|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  ~~. .~~  Số: /2017/NĐ-CP |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  ~~. .~~ |
|  |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

~~. .~~

**Về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 2 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 2 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm như sau:

1. Bổ sung Khoản 3 Điều 7 như sau:

“**Điều 7. Vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 54 của Luật Đầu tư công**

3. Thẩm quyền quyết định việc sử dụng mức vốn dự phòng 10% trong kế hoạch đầu tư công trung hạn

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng mức vốn dự phòng 10% trên tổng mức vốn kế hoạch trung hạn theo từng nguồn vốn của bộ, ngành và địa phương.

b) Dự phòng 10% trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của các bộ, ngành và địa phương được sử dụng từ năm thứ hai của kế hoạch đầu tư công trung hạn; mức vốn từng năm do Thủ tướng Chính phủ quyết định căn cứ nhu cầu xử lý những vấn đề phát sinh quy định tại Khoản 2 Điều này của bộ, ngành và địa phương và tổng mức vốn đầu tư ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền quyết định.”

2. Bổ sung Khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Đối với dự án nhóm B, nhóm C, thời gian bố trí vốn theo quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng không vượt quá thời gian bố trí vốn tối đa theo quy định sau đây:

a) Đối với dự án nhóm B có tổng mức đầu tư dưới 800 tỷ đồng: không quá 05 năm; dự án nhóm B có tổng mức đầu tư từ 800 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng: không quá 8 năm;

b) Đối với dự án nhóm C: không quá 03 năm;

c) Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát tiển lâm nghiệp bền vững được thực hiện theo chu kỳ lâm sinh”.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 27 như sau:

“2. Đối với dự án khởi công mới, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, cần có thêm các điều kiện sau:

a) Được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch (trừ dự án khởi công mới sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách nhà nước; tăng thu ngân sách, kết dư ngân sách địa phương);

b) Xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối các nguồn vốn; bảo đảm bố trí đủ vốn theo tiến độ hoàn thành quy định trong kế hoạch đầu tư công trung hạn;

c) Bố trí đủ vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong năm đầu thực hiện dự án.”

4. Sửa đổi Khoản 3 Điều 46 như sau:

“3. Quy trình và thủ tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ:

a) Kết thúc thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước, các bộ, ngành và địa phương chỉ đạo chủ đầu tư làm thủ tục với Kho bạc Nhà nước chuyển số vốn còn lại chưa giải ngân sang năm sau theo quy định.

b) Đến ngày 30 tháng 4 hằng năm, bộ, ngành trung ương và địa phương tổng hợp toàn bộ danh mục dự án và số vốn kéo dài sang năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

c) Sau ngày 30 tháng 4 hằng năm, các bộ, ngành và địa phương không làm thủ tục kéo dài sang năm sau đối với số vốn còn lại chưa giải ngân của năm trước, không tổng hợp danh mục dự án và số vốn kéo dài sang năm sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sẽ được thu hồi về ngân sách nhà nước.”

**Điều 2.** Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công như sau:

1. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Luật Đầu tư công. Riêng đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thực hiện theo quy định của Nghị định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư”.

2. Bãi bỏ các quy định tại Điều 13.

2. Bãi bỏ các quy định tại Khoản 2 Điều 17.

3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Khoản 4 Điều 40 như sau:

“Trong quá trình thẩm định chương trình, dự án đầu tư công với những nội dung quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này phải rà soát, đối chiếu với các quy định trong quyết định chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những chỉ tiêu về quy mô, tổng mức đầu tư của dự án, bao gồm cơ cấu vốn không được vượt quá mức đã quy định trong quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh tăng quy mô, làm tăng tổng mức đầu tư của chương trình, dự án hoặc điều chỉnh giảm quy mô so với quy định tại quyết định chủ trương đầu tư phải báo cáo cơ quan quyết định chủ trương đầu tư cho ý kiến và phải thẩm định lại nguồn vốn và khả năng cân đối vốn”.

**Điều 3.** Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 như sau:

Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

Nếu dự án đáp ứng đáp ứng 3 tiêu chí sau đây được áp dụng quy trình thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn quy định tại Điều 3 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP:

- Thuộc nội dung đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

- Tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng và kỹ thuật không phức tạp;

- Sử dụng một phần ngân sách nhà nước, phần kinh phí còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân. Phần kinh phí đóng góp của nhân dân có thể bằng tiền hoặc hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền.

**Điều 4.** Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 201 .

2. Nghị định này áp dụng cho những trường hợp đã thực hiện trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực và phù hợp với nội dung quy định tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐNN, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch Nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - Ngân hàng Phát triển Việt Nam;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: VT, KTTH (3b) | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |